

Bản án số: 181/2021/HNGĐ-ST

Ngày 30 – 12 - 2021

V/v ly hôn, con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Minh Thịnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trịnh Khởi Nghĩa

Bà Nguyễn Kim Kết

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 351/2021/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 414/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Ngọc Y, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp MĐ B, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp MĐ B, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Chị Huỳnh Ngọc Y trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh Nguyễn Hoàng T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Tiến ngày 30/11/2005. Từ tháng 3/2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và nhiều vấn đề khác. Tình trạng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chính quyền địa phương hòa giải hàn gắn mấy lần nhưng không thành. Nay chị Y yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con tên Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 19/8/2006. Khi ly hôn, cháu L có nguyện vọng sống với cha thì cha nuôi, sống với mẹ thì mẹ nuôi, cấp dưỡng không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

*Anh Nguyễn Hoàng T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Về quá trình kết hôn như chị Y trình bày là đúng. Quá trình chung sống chị Y nghi ngờ anh có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài và anh thường đi chơi thâu đêm nên phát sinh mâu thuẫn. Gia đình có hòa giải nhưng không thành. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị Y.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 người con như chị Y trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi, không yêu cầu chị Y cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Vợ chồng không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Huỳnh Ngọc Y khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với anh Nguyễn Hoàng T là vụ kiện tranh chấp ly hôn, con chung, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Y có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Y, anh T.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào năm 2005, chị Y và anh T kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh T được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị Y và anh T đã có những mâu thuẫn mà không thể hàn gắn được là thực tế có xảy ra, việc này được chị Y, anh T thừa nhận. Mặt khác, chị Y là người yêu cầu được ly hôn, còn anh T thì không đồng ý, anh T yêu cầu đoàn tụ. Tuy nhiên, trước và sau khi chị Y nộp đơn tại Tòa án anh T cũng không đưa ra được biện pháp gì để thuyết phục chị Y đoàn tụ. Tuy nhiên, chị Y xác định chị không còn tình

cảm vợ chồng với anh T, chị cương quyết ly hôn với anh T. Từ đó Hội đồng xét xử khẳng định, hiện nay chị Y, anh T không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng giữa chị Y và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y về quan hệ hôn nhân.

[5] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu L đã hơn 15 tuổi, hiện đang sống chung với anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu L, còn chị Y yêu cầu xem xét nguyện vọng của cháu và cả hai không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy: Trong quá trình giải quyết chị Y cho rằng chị có thu nhập ổn định nên đảm bảo điều kiện nuôi cháu L. Mặt khác, theo nguyện vọng của cháu L thì cháu muốn sống với chị Y khi chị Y và anh T ly hôn. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của cháu L sau khi chị Y, anh T ly hôn nên Hội đồng xét xử giao cháu L cho chị Y nuôi dưỡng.

[6] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị Y, anh T xác định tài sản chung tự thỏa thuận, còn nợ thì không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Xét về án phí dân sự: Chị Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 5; Điều 91; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Ngọc Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Huỳnh Ngọc Y được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T.

## 2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 19/8/2006 cho chị Huỳnh Ngọc Y được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Hoàng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

2.2. Buộc anh Nguyễn Hoàng T phải có nghĩa vụ giao cháu Nguyễn Hoàng L cho chị Huỳnh Ngọc Y.

3. Về án phí dân sự: Chị Huỳnh Ngọc Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011698 ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Huỳnh Ngọc Y đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Trương Minh Thịnh**